BÀI 5 (tiết 2): MĨ LATINH

# Câu 1: Tài nguyên khoáng sản chủ yếu của Mĩ Latinh là

A quặng kim loại màu, kim loại quí và nhiên liệu. B quặng kim loại, kim loại quí và dầu mỏ.

C quặng kim loại, phi kim và nhiên liệu.

D quặng kim loại đen, kim loại quí và nhiên liệu.

# Câu 2: Mĩ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

A cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi đại gia súc.

B cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ. C cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi đại gia súc.

D cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

# Câu 3: Mỹ latinh không có kiểu khí hậu nào sau đây?

A Hàn đới. B Nhiệt đới. C Xích đạo. D Ôn đới.

# Câu 4: Đại bộ phận lãnh thổ Mĩ Latinh nằm trong khu vực khí hậu

A ôn đới.

B cận nhiệt. C nhiệt đới. D cận cực.

# Câu 5: Tài nguyên đất và khí hậu tạo thuận lợi cho Mĩ Latinh phát triển

A cây lương thực và nuôi trồng thủy sản nhiệt đới. B rừng và trồng cây ăn quả nhiệt đới.

C rừng và trồng cây ăn quả ôn đới.

D thủy sản và trồng cây ăn quả cận nhiệt.

# Câu 6: Cảnh quan có diện tích lớn nhất của Mĩ Latinh là

A rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm. B hoang mạc và bán hoang mạc.

C thảo nguyên và thảo nguyên rừng. D xa van và xa van rừng.

# Câu 7: Điều kiện tự nhiên và TNTN của Mĩ Latinh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho

**việc phát triển**

A một nền kinh tế đa ngành.

B giao thông vận tải đường thủy và đường bộ. C ngành công nghiệp khai khoáng.

D nền nông nghiệp nhiệt đới.

# Câu 8: Mỹ Latinh nằm hoàn toàn ở

A bán cầu Nam. B bán cầu Đông. C bán cầu Tây. D bán cầu Bắc.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Tỉ trọng thu nhập của các nhóm dân cư trong GDP của một số nước năm 2000**

| Quốc gia | GDP theo giá thực tế(tỉ USD) | Tỉ trọng GDP của 10% dân cư | Tỉ trọng GDP của 10% dân cư |
| --- | --- | --- | --- |

|  |  | nghèo nhất | giàu nhất |
| --- | --- | --- | --- |
| Chi –lê | 75.5 | 1.2 | 47.0 |
| Ha-mai-ca | 8.0 | 2.7 | 30.3 |
| Mê-hi-cô | 581.3 | 1.0 | 43.1 |
| Pa-na-ma | 11.6 | 0.7 | 43.3 |

Nhận xét nào dưới đây **đúng** với bảng số liệu trên

A Chênh lệch thu nhập giữa người giàu và người nghèo rất lớn. B Chênh lệch thu nhập giữa người giàu và người nghèo rất nhỏ.

C Thu nhập giữa người giàu và người nghèo không có chênh lệch. D Thu nhập của 10 % dân cư nghèo lớn hơn 10% dân cư giàu.

# Câu 10: Vấn đề xã hội nổi cộm ở hầu hết các nước Mĩ Latinh là

A chênh lệch giàu nghèo giữa các nhóm dân cư rất lớn. B gia tăng dân số quá nhanh và đô thị hóa quá mức.

C sự tranh chấp ruộng đất quyết liệt ở nông thôn. D chiến tranh sắc tộc và tôn giáo.

# Câu 11: Cho tới đầu thế kỷ XXI, số dân sống dưới mức nghèo khổ của Mĩ la tinh còn

**khá đông, dao động từ**

A 45 – 62%.

B 37 – 45%.

C 37 – 62%.

D 26 – 37%.

# Câu 12: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến hiện tượng đô thị hóa tự phát (tự kéo về → tạo đô thị) ở Mĩ Latinh là

A ngành công nghiệp và dịch vụ của khu vực phát triển mạnh.

B cuộc cải cách ruộng đất không triệt để và chênh lệch thu nhập trong dân cư. C dân cư có thu nhập cao chiếm tỉ trọng lớn trong dân cư.

D quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đạt được những thành tựu nhất định.

# Câu 13: Đầu thế kỷ XXI tỷ lệ dân thành thị của Mi Latinh chiếm tới……. dân số.

A 85%

B 65%

C 75%

D 55%

# Câu 14: Sự chênh lệch lớn về thu nhập và nạn đói gia tăng là thách thức lớn về kinh tế

**xã hội của khu vực?**

A Mĩ Latinh.  
B Trung Á.

C Tây Nam Á. D Đông Nam Á.

# Câu 15: Tỉ lệ dân đô thị chiếm trên 75% dân số và 1/3 trong số đó sống trong điều

**kiện khó khăn là đặc điểm đô thị hóa của khu vực?**

A Trung Á. B Mĩ Latinh.

C Tây Nam Á. D Đông Nam Á.

# Câu 16: Đặc điểm nổi bật của dân cư Mỹ Latinh hiện nay là

A tỉ lệ dân thành thị cao.

B phân bố dân cư đồng đều. C tốc độ gia tăng dân số thấp.

D thành phần chủng học thuần nhất.

# Câu 17: Các cuộc cách mạng ruộng đất không triệt để ở hầu hết các nước Mĩ la tinh đã

**dẫn đến hệ quả là**

A hiện tượng đô thị hóa tự phát.

B dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố tìm việc làm.

C các chủ trang trại giữ phần lớn đất canh tác, dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố tìm việc làm và hiện tượng đô thị hóa tự phát.

D các chủ trang trại giữ phần lớn đất canh tác.

# Câu 18: Trong tổng số dân cư đô thị của Mĩ la tinh có tới….. sống trong điều kiện khó

**khăn.**

A 1/4 B 3/4

C 1/2 D 1/3

**Câu 19.** Cho bảng số liệu:

**GDP và nợ nước ngoài của một số quốc gia Mĩ Latinh năm 2004( Đơn vị : tỉ USD)**

| Quốc gia | GDP | Tổng số nợ | Quốc gia | GDP | Tổng số nợ |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ac-hen-ti-na | 151.5 | 158.0 | Mê-hi-cô | 676.5 | 149.9 |
| Braxin | 605.0 | 220.0 | Pa-na-ma | 13.8 | 8.8 |
| Chi-lê | 94.1 | 44.6 | Pa-ra-goay | 7.1 | 3.2 |
| Ê-cu-a-do | 30.3 | 16.8 | Pê-ru | 68.6 | 29.8 |
| Ha-mai-ca | 8.0 | 6.0 | Vê-nê-xu-ê-la | 109.3 | 33.3 |

Nhận xét nào sau đây ***không chính xác*** với bảng số liệu trên? A Các quốc gia Mĩ Latinh có tỉ lệ nợ nước ngoài cao.

B Ac-hen-ti-na có tổng số nợ cao hơn tổng GDP.

C Bốn quốc gia có tổng số nợ lớn hơn 50% tổng GDP. D Các quốc gia Mĩ Latinh có tỉ lệ nợ nước ngoài thấp. **Câu 20.** Cho biểu đồ :

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Mĩ La tinh giai đoạn 1985-2004.**

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Mĩ La tinh**

**%**

**6**

**6**

**4**

**2**

**0**

**1985 1990 1995 2000 2002 2004**

**năm**

Nhận xét nào sau đây **không** chính xác với biểu đồ trên?

A Các nước Mĩ Latinh có tốc độ tăng trưởng kinh tế không đều.

B Năm 2004, các nước Mĩ Latinh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất. C Các nước Mĩ Latinh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, khá đều.

D Năm 1995, các nước Mĩ Latinh có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất.

# Câu 21: Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế của các nước Mỹ Latinh so với các nước châu Phi là

A tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức bình quân của thế giới.

B kinh tế chủ yếu dựa vào xuất khẩu nông sản và khoáng sản. C có tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế.

D tốc độ tăng trưởng thường không ổn định.

# Câu 22: Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Mĩ Latinh giảm mạnh trong thời kỳ 1985

**- 2004 là do**

A chính sách thu hút đầu tư không phù hợp. B chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo.

C tình hình chính trị không ổn định.

D thiên tai xảy ra nhiều, kinh tế suy thoái.

# Câu 23: Kinh tế các nước Mĩ Latinh phát triển không đều và ít hấp dẫn các nhà đầu tư

**nước ngoài là do**

A xung đột sắc tộc, tôn giáo diễn ra thường xuyên.

B thiếu lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề. C tình hình chính trị xã hội không ổn định.

D nguồn TNTN không thực sự giàu có.

# Câu 24: Năm 2004, nguồn FDI vào Mĩ Latinh đạt

A trên 31 tỉ USD. B 40 tỉ USD.

C gần 80 tỉ USD.

D từ 78 - 80 tỉ USD.

# Câu 25: Cuối thập niên 90, FDI vào Mĩ Latinh đạt

A 40 tỉ USD.

B 70 - 80 tỉ USD.

C trên 80 tỉ tỉ USD. D 35 tỉ USD.

# Câu 26: Nguồn FDI vào Mĩ Latinh chiếm trên 50% là từ các nước

A Hoa Kỳ và Tây Ban Nha. B Tây Âu và Nhật Bản.

C Hoa Kỳ và Tây Âu. D Hoa Kỳ và Canada.

# Câu 27: Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước Mỹ Latinh so với các

**nước châu Phi là**

A nợ nước ngoài quá lớn. B dân số tăng nhanh.

C xung đột sắc tộc gay gắt và thường xuyên.

D khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.

# Câu 28: Năm 2004, quốc gia có tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP cao nhất trong khu vực

**Mĩ la tinh là**

A Chi-lê.

B Bra-xin.

C Mê-hi-cô.

D Ác-hen-ti-na.

# Câu 29: Năm 2004, quốc gia có tổng số nợ nước ngoài lớn hơn GDP trong khu vực Mĩ la tinh là

A Bra-xin. B Pa-na-ma.

C Ác-hen-ti-na.

D Mê-hi-cô.

# Câu 30: Nước có tổng GDP lớn nhất khu vực Mỹ Latinh năm 2004 là

A Ac-hen-ti-na.

B Mê-hi-cô.

C Bra-xin.

D Vê-nê-xu-ê-la.

# Câu 31: Yếu tố làm kìm hãm sự phát triển kinh tế của các nước Mĩ Latinh là

A duy trì cơ cấu xã hội phong kiến và các thế lực bảo thủ. B cải cách kinh tế, quốc hữu hóa một số ngành kinh tế.

C công nghiệp hóa đất nước, mở rộng buôn bán với nước ngoài. D củng cố bộ máy nhà nước, phát triển giáo dục.

# Câu 32: Khó khăn trở ngại lớn nhất của các nhà đầu tư Mĩ Latinh trong quá trình cải

**cách k/tế hiện nay là**

A nhà nước của nhiều quốc gia còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm. B sự quay lưng của các nhà đầu tư nước ngoài.

C tình trạng thiếu vốn, kĩ thuật và lao động lành nghề.

D sự phản ứng, chống phá của các thế lực bị mất đặc quyền.

# Câu 33: Nguyên nhân quan trọng làm cho kinh tế các nước Mĩ Latinh tăng trưởng khá cao trong những năm gần đây là

A giá dầu mỏ tăng cao trong khi hầu hết các nước đều xuất khẩu dầu.

B sự hồi phục của kinh tế toàn cầu nhất là Hoa Kì đã thúc đẩy xuất khẩu. C chủ trương khai thác mạnh các nguồn tài nguyên để xuất khẩu.

D những vấn đề nổi cộm về kinh tế xã hội đã được giải quyết.

# Câu 34: Gần đây tình hình kinh tế nhiều nước ở Mĩ Latinh từng bước được cải thiện là do

A phát triển giáo dục, quốc hữu hóa một số ngành kinh tế. B tập trung củng cố bộ máy nhà nước, cải cách kinh tế.

C thực hiện công nghiệp hóa, tăng cường buôn bán với nước ngoài.

D tập trung củng cố bộ máy nhà nước, cải cách kinh tế, phát triển giáo dục, quốc hữu hóa một số ngành kinh tế và thực hiện công nghiệp hóa, tăng cường buôn bán với nước ngoài.

# Câu 35: Đặc điểm nào sau đây thể hiện tình hình kinh tế các nước Mỹ Latinh ngày

**càng được cải thiện?**

A Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. B Khống chế được nạn lạm phát.

C Tỉ lệ tăng giá tiêu dùng giảm. D Xuất khẩu tăng nhanh.

# Câu 36: Tình hình kinh tế các nước Mĩ Latinh từng bước đã được cải thiện, biểu hiện

**rõ nhất là xuất khẩu tăng nhanh**

A năm 2003 tăng khoảng 20%, năm 2004 là 35%.

B năm 2003 tăng khoảng 5%, năm 2004 là 15%.

C năm 2003 tăng khoảng 15%, năm 2004 là 30%.

D năm 2003 tăng khoảng 10%, năm 2004 là 21%.

# Câu 37: Nền k/tế các nước Mĩ Latinh phát triển chưa cao, đóng góp cho nền k/tế thế

**giới còn hạn chế là do**

A chủ nghĩa chuyên chế, quan liêu của các thế lực bảo thủ. B chưa có đường lối phát triển kinh tế hợp lí.

C hậu quả bóc lột nặng nề của chủ nghĩa tư bản.

D người dân hài lòng với sự giàu có của tài nguyên thiên nhiên.

# Câu 38: Mặc dù các nước Mĩ La Tinh giành độc lập khá sớm nhưng nền kinh tế phát

**triển chậm là do**

A các thế lực bảo thủ thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

B chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế-xã hội độc lập, tự chủ.

C chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế-xã hội độc lập, tự chủ, các thế lực bảo thủ thiên chúa giáo tiếp tục cản trở và duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

D duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

# Câu 39: Mặc dù các nước Mĩ La Tinh giành độc lập khá sớm nhưng nền k/tế phát triển

**chậm không phải do**

A chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ. B điều kiện tự nhiên khó khăn, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn.

C duy trì xã hội phong kiến trong thời gian dài.

D các thế lực bảo thủ của thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

# Câu 40: Kinh tế Mỹ Latinh không ổn định là do yếu tố cơ bản nào dưới đây?

A Kỹ thuật lạc hậu, ít đổi mới.

B Phụ thuộc vào vốn vay và đầu tư của nước ngoài. C Sự biến động của thị trường thế giới.

D Hậu quả sự bóc lột của CNTB trước kia.

# Câu 41: Đặc điểm không đúng với nền kinh tế các nước Mĩ Latinh?

A Tăng trưởng GDP không ổn định. B Vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh. C Phụ thuộc vào tư bản nước ngoài.

D Thị trường xuất khẩu hàng hóa đang bị thu hẹp.

# Câu 42: Đặc điểm dễ nhận thấy về kinh tế của hầu hết các nước Mỹ Latinh là

A nền kinh tế ổn định, ít biến động.

B phát triển chủ yếu dựa vào vốn vay và đầu tư từ bên ngoài. C độc lập, tự chủ về kĩ thuật.

D nông nghiệp là hoạt động kinh tế duy nhất.

# Câu 43: Vấn đề đang được quan tâm hàng đầu để thực hiện cải cách kinh tế xã hội của

**các nước Mĩ Latinh là**

A thực hiện cải cách ruộng đất triệt để. B thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

C giải quyết các cuộc chiến tranh sắc tộc.

D giải quyết tình trạng đói nghèo và phân hóa xã hội sâu sắc.

# Câu 44: Dẫn đầu về xuất khẩu dầu mỏ khu vực Mĩ Latinh là

A Ac-hen-ti-na.

B Bra-xin.

C Chi-lê.

D Vê-nê-xu-ê-la.

# Câu 45: Nền kinh tế Mĩ Latinh phụ thuộc nhiều nhất vào quốc gia?

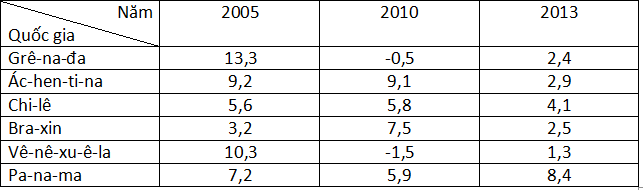
A Liên Bang Nga.

B Trung Quốc.

C Nhật Bản. D Hoa Kì.

**Câu 46.** Cho bảng số liệu

Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia ở Mĩ La tinh qua các năm

(Đơn vị: %)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

1. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước đều giảm
2. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định
3. Các nước có tốc độ tăng trưởng GDP đều cao như nhau
4. Không chênh lệch về tốc độ tăng trưởng GDP giữa các nước